

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2025/HS-ST
Ngày 17/4/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ánh Tuyết
2. Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Thủy Sơn Phương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Đăng Khoa - Kiểm sát viên

Trong ngày 17 tháng 4 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2025/TLST - HS ngày 08 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 43/2025/QĐXXST - HS ngày 03 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2025/HSST - QĐ ngày 20 tháng 3 năm 2025 đối với bị cáo:

PHẠM MINH T (tên gọi khác: Không), sinh ngày 03 tháng 8 năm 2004 tại Đồng Tháp; thường trú: Thôn 03, xã BH, thành phố P, tỉnh Gia Lai; cư trú: Số 55 đường NB, tổ 01, phường CL, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; căn cước công dân số 087204008811; con ông Phạm Minh V, sinh năm 1978 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1988; bị cáo chưa có vợ, con; nhân thân tốt; tiền án, tiền sự: Không.

Phạm Minh T bị bắt ngày 11 tháng 9 năm 2024 theo Quyết định truy nã số 1244 ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P; tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P đến ngày 06 tháng 01 năm 2025 áp dụng biện pháp Bảo lãnh. Hiện bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

- Anh Thân Văn D, sinh năm 2001; địa chỉ: Số 20/02 đường TS, tổ 03, phường YT, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

- Anh Lê Văn N, sinh năm 1986; địa chỉ: Làng B, xã IK, huyện CP, tỉnh Gia Lai.
Vắng mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Minh V, sinh năm 1978; địa chỉ: Số 55 đường NB, tổ 01, phường CL, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

Người làm chứng:

- Anh Lê Trung Q, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn 02, xã NH, huyện CP, tỉnh Gia Lai.
Vắng mặt

- Chị Nguyễn Phan Tú Q, sinh năm 2002; địa chỉ: Số 59 đường L, tổ 06, phường TS, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 24 tháng 12 năm 2023, tại tiệm cầm đồ T&T - số 59 đường Lê Lợi, tổ 06, phường TS, thành phố P, tỉnh Gia Lai, ông Phạm Minh V cầm cố xe ô tô tải hiệu SRM, loại T20A, màu sơn trắng. biển số 83C-099.11, tải trọng 930kg cho anh Thân Văn D - quản lý với số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng, lãi suất 6%/tháng. Khi điều khiển xe ô tô biển số 83C -099.11 và ký kết hợp đồng cầm cố, Phạm Minh T - con trai của ông V đi cùng và chứng kiến. Theo Hợp đồng cầm cố, anh D giữ chiếc xe ô tô biển số 83C - 099.11, còn giấy đăng ký xe, đăng kiểm xe, giấy chứng minh nhân dân của ông V (gọi chung là giấy tờ xe) thì anh D đưa chị Nguyễn Phan Tú Q - nhân viên tiệm cầm đồ cất giữ, chiếc xe ô tô trên để ở vỉa hè trước cửa tiệm cầm đồ T&T.

Ngày 28 tháng 12 năm 2023, do cần tiền tiêu xài cá nhân, Phạm Minh T đăng bán chiếc xe ô tô tải biển số 83C – 099.11 trên mạng xã hội facebook, tài khoản “Phạm T”. Khi thấy nội dung đăng bán xe ô tô tải biển số 83C – 099.11, anh Lê Văn N liên hệ qua số điện thoại “0917504226” của T đặt vấn đề mua xe sau đó T và anh N thống nhất cùng nhau đến địa điểm số 59 đường L, thành phố P để xem xe.

Đến 13 giờ ngày 01 tháng 01 năm 2024, Phạm Minh T dẫn anh Lê Văn N đến gặp chị Nguyễn Phan Tú Q, nói với chị Q có người đến hỏi mua xe, đề nghị cho mượn lại giấy tờ và chìa khóa xe, khách xem và chạy thử xe xong, T sẽ trả lại cho chị Q; nghe T nói vậy chị Q tin tưởng giao xe và các giấy tờ xe cho T. Sau khi xem xe, anh Lê Văn N đồng ý mua chiếc xe ô tô biển số 83C -099.11 với giá 92.000.000 đồng; tin tưởng xe ô tô này là tài sản của Phạm Minh T nên anh N đưa trước cho T 65.000.000 đồng, số tiền còn lại khi nào rút hồ sơ xe xong thì thanh toán hết; T viết giấy bán xe đồng thời giao xe và các giấy tờ xe cho anh N. Sau đó, T quay lại tiệm cầm đồ T&T, đưa bì đựng hồ sơ cho chị Q; không thấy xe ô tô biển số 83C - 099.11, chị Q hỏi thì T nói dối là khách đang chạy thử mà xe bị hư giữa đường, đang đợi cầu vè. Đến 20 giờ 30 phút cùng ngày, lợi dụng chị Q đi ra phía sau nhà, T

liền bỏ trốn. Khi đi ra không thấy T, chị Q kiểm tra lại bị đựng hồ sơ, phát hiện các giấy tờ xe không còn, T cũng không liên lạc được nên chị Q đến Công an phường TS làm đơn trình báo. Sau khi nhận được tin báo, Công an phường TS đã làm việc với anh Lê Văn N, thu giữ chiếc xe ô tô biển số 83C -099.11 sau đó chuyển vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P, thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

Qua định giá, tại bản kết luận định giá tài sản số 24/KL-HĐĐGTS ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố P, kết luận: “01 xe ô tô, loại xe tải có mui, nhãn hiệu SRM, số loại T20A, màu sơn trắng, số máy DLCG14427655; số khung RM3BADAC9LT200327, trọng tải 930kg, biển số 83C-099.11; Năm, nước sản xuất: 2020, Việt Nam; Mua cũ vào ngày 27/11/2023 với giá 135.000.000đ (Một trăm ba mươi lăm triệu đồng), bị chiếm đoạt ngày 01/01/2024. Giá trị tài sản bị chiếm đoạt là: 110.000.000 (Bằng chữ: Một trăm mười triệu đồng)”

Sau khi bị bắt theo truy nã của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố P, Phạm Minh T tác động gia đình bồi thường cho anh Lê Văn N số tiền 65.000.000 (sáu mươi lăm triệu) đồng và cho anh Thân Văn D số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng; ông Phạm Minh V đã nhận lại xe ô tô biển số 83C -099.11.

Tại bản cáo trạng số 30/CT – VKS ngày 07 tháng 01 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P truy tố bị cáo Phạm Minh T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017

Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo Phạm Minh T thừa nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên, bị cáo đồng ý với nội dung truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P nêu trong bản cáo trạng.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị xét xử bị cáo Phạm Minh T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*bồi thường thiệt hại*”, “*thành khẩn khai báo*”, “*bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo*” theo quy định tại điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 với mức án từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, không áp dụng hình phạt bổ sung. Ngoài ra, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P còn đề xuất nghĩa vụ chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình

điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Ông Phạm Minh V không biết việc Phạm Minh T đến tiệm cầm đồ T&T, gặp chị Nguyễn Phan Tú Q, mượn xe và giấy tờ xe sau đó bán xe cho anh Lê Văn N nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P không xử lý trách nhiệm hình sự đối với ông V là phù hợp.

[2] Hành vi của bị cáo: Xe ô tô biển số 83C - 099.11 là tài sản của ông Phạm Minh V đã được ông V cầm cố cho anh Thân Văn D. Thông qua mạng xã hội Facebook, Phạm Minh T đưa hình ảnh và thông tin đăng bán xe ô tô trên. Ngày 01 tháng 01 năm 2024, lấy lý do anh Lê Văn N cần kiểm tra và chạy thử xe ô tô biển số 83C -099.11 T đề nghị chị Nguyễn Phan Tú Q cho mượn lại xe và giấy tờ xe. Sau đó, lợi dụng việc anh Lê Văn N hiểu nhầm đây là xe thuộc sở hữu của mình, Phạm Minh T đã bán xe ô tô biển số 83C - 099.11 cho anh N, chiếm đoạt số tiền 65.000.000 đồng. Ô tô biển số 83C -099.11 qua định giá có giá trị 110.000.000 đồng. Như vậy tổng trị giá tài sản bị Phạm Minh T chiếm đoạt là 175.000.000 (một trăm bảy mươi lăm triệu) đồng.

Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, Lừa đảo chiếm đoạt tài sản được quy định như sau:

“1. Người nào dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng....., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...”

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a) Có tổ chức

b) Có tính chất chuyên nghiệp;

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng...”

Đưa thông tin sai sự thật về tình trạng pháp lý của xe ô tô biển số 83C -099.11, lợi dụng tình huống và thiếu thận trọng trong khâu quản lý tài sản cầm cố để chiếm hữu bất hợp pháp tài sản cầm cố sau đó chiếm đoạt tiền từ việc bán tài sản cầm cố với tổng trị giá dưới 200.000.000 đồng mà Phạm Minh T đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 như Viện kiểm sát nhân dân thành phố P đã truy tố.

Hành vi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp được Hiến pháp và pháp luật hình sự bảo vệ. Bị cáo hoàn toàn nhận thức được hành vi bản thân đã thực hiện là vi phạm pháp luật nhưng

vì bản chất lười lao động, ý thức tự tu dưỡng, rèn luyện kém, coi thường tính nghiêm minh của pháp luật nên cố ý thực hiện hành vi. Do đó cần áp dụng hình phạt tù tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mới đủ sức răn đe bị cáo trở thành công dân tốt.

Tuy nhiên, sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo về toàn bộ hành vi phạm tội đã thực hiện, tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại phát sinh đối với bị hại Lê Văn N, các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Hội đồng xét xử trong quá trình quyết định hình phạt sẽ cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại Lê Văn N và Thân Văn D không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về xử lý vật chứng: Ông Phạm Minh V đã trả tiền cầm cố cho bị hại Thân Văn D nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P trả xe ô tô biển số 83C -099.11 cho ông V là phù hợp quy định của pháp luật

[5] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Phạm Minh T

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phạm Minh T phạm tội “**Lừa đảo chiếm đoạt tài sản**”

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, Điều 38, Điều 50, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Phạm Minh T 03 (ba) năm tù, khấu trừ thời gian tạm giữ tạm giam từ ngày 11 tháng 9 năm 2024 đến ngày 06 tháng 01 năm 2025, thời hạn chấp hành hình phạt tù còn lại tính từ ngày bị cáo đi thi hành án

- Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Phạm Minh T phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay, bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Cơ quan điều tra Công an thành phố P;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố P;
- Chi cục thi hành án dân sự thành phố P;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
ĐÃ KÝ
VÕ THỊ THANH THÚY**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA